

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2021/HNGĐ-ST
Ngày 13-8-2021
V/v tranh chấp xác định cha cho con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Hùng

Ông Doãn Văn Sáng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp xác định cha cho con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 118/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị L, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn 3, xã T, huyện N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh D, sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn 3, xã T, huyện N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Q, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, thành phố B, tỉnh B; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 3 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị L trình bày:

Chị kết hôn với anh Q, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, thành phố B, tỉnh B vào năm 2014 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố B, tỉnh B và có 01 con chung tên Đào Đăng Trấn Hưng, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2014. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nên chị và anh Q đã sống ly thân nhau từ năm 2015. Trong thời gian sống ly thân nhưng chưa ly hôn với anh Q chị có quan hệ tình cảm và đã có thai với anh D, sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn 3, xã T, huyện N, thành phố Hải Phòng. Ngày 03 tháng 4 năm 2020 Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B giải quyết cho chị và anh Q được ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 69/2020/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 4 năm 2020. Ngày 21 tháng 5 năm 2020 chị và anh D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, thành phố Hải Phòng. Ngày 11 tháng 7 năm 2020 chị sinh được 01 con gái dự định đặt tên là Đàm Thị Diệu Hương tại Bệnh viện Đa khoa huyện N theo Giấy chứng sinh số 1085/2020/BVTN-GCS, quyển số: GCS/20T ngày 11 tháng 7 năm 2020 của Bệnh viện Đa khoa huyện N nhưng không đăng ký khai sinh được cho con vì chị có thai với anh D trong thời kỳ hôn nhân với anh Q. Ngày 29 tháng 7 năm 2020 chị đề nghị Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ y tế và Công nghệ Gen Smart ADN; địa chỉ: Tầng 3, 214 Tô Hiệu, Trại Cau, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét nghiệm gen (ADN) của anh D và gen (ADN) của con do chị sinh ra ngày 11 tháng 7 năm 2020 dự định đặt tên là Đàm Thị Diệu Hương theo Giấy chứng sinh số 1085/2020/BVTN-GCS, quyển số: GCS/20T ngày 11 tháng 7 năm 2020 của Bệnh viện Đa khoa huyện N, kết quả xét nghiệm ADN kết luận anh D có quan hệ huyết thống cha con với con do chị sinh ra ngày 10 tháng 11 năm 2020. Ngày 16 tháng 4 năm 2021 chị có đơn yêu cầu Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định gen (ADN) của anh D và gen (ADN) của con do chị sinh ra ngày 11 tháng 7 năm 2020 theo Giấy chứng sinh số 1085/2020/BVTN-GCS, quyển số: GCS/20T ngày 11 tháng 7 năm 2020 của Bệnh viện Đa khoa huyện N tại Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng. Ngày 18 tháng 5 năm 2021 Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng đã có kết luận giám định số 54/2021/GĐSH kết luận anh D và con do chị sinh ra ngày 11 tháng 7 năm 2021 có quan hệ huyết thống trực hệ bố - con. Nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết xác định anh D, sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn 3, xã T, huyện N, thành phố Hải Phòng là cha đẻ của con do chị sinh ra ngày 11 tháng 7 năm 2020 theo Giấy chứng sinh số 1085/2020/BVTN-GCS, quyển số: GCS/20T ngày 11 tháng 7 năm 2020 của Bệnh viện Đa khoa huyện N.

Tại bản tự khai ngày 16 tháng 4 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là anh D trình bày:

Năm 2019 anh có quan hệ tình cảm với chị L và chị L đã có thai. Ngày 03 tháng 4 năm 2020 Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B giải quyết cho chị L và anh

Q, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn Vận Động Nam, xã Vũ Lạc, thành phố B, tỉnh B được ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 69/2020/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 4 năm 2020. Ngày 21 tháng 5 năm 2020 anh và chị L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, thành phố Hải Phòng. Ngày 11 tháng 7 năm 2020 chị L sinh được 01 con gái dự định đặt tên là Đàm Thị Diệu Hương tại Bệnh viện Đa khoa huyện N theo Giấy chứng sinh số 1085/2020/BVTN-GCS, quyền số: GCS/20T ngày 11 tháng 7 năm 2020 của Bệnh viện Đa khoa huyện N nhưng không đăng ký khai sinh được cho con vì chị L có thai với anh trong thời kỳ hôn nhân với anh Q. Ngày 29 tháng 7 năm 2020 chị L đã đề nghị Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ y tế và Công nghệ Gen Smart ADN; địa chỉ: Tầng 3, 214 Tô Hiệu, Trại Cau, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét nghiệm gen (ADN) của anh và gen (ADN) của con do chị L sinh ra ngày 11 tháng 7 năm 2020 dự định đặt tên là Đàm Thị Diệu Hương theo Giấy chứng sinh số 1085/2020/BVTN-GCS, quyền số: GCS/20T ngày 11 tháng 7 năm 2020 của Bệnh viện Đa khoa huyện N, kết quả xét nghiệm ADN kết luận anh có quan hệ huyết thống cha con với con do chị L sinh ra ngày 11 tháng 7 năm 2020. Ngày 16 tháng 4 năm 2021 chị L có đơn yêu cầu Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định gen (ADN) của anh và gen (ADN) của con do chị L sinh ra ngày 11 tháng 7 năm 2020 theo Giấy chứng sinh số 1085/2020/BVTN-GCS, quyền số: GCS/20T ngày 11 tháng 7 năm 2020 của Bệnh viện Đa khoa huyện N tại Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng. Ngày 18 tháng 5 năm 2021 Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng đã có kết luận giám định số 54/2021/GĐSH kết luận anh D và con do chị L sinh ra ngày 11 tháng 7 năm 2020 có quan hệ huyết thống trực hệ bố - con. Nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết xác định anh là cha đẻ của con do chị L sinh ra ngày 11 tháng 7 năm 2020 theo Giấy chứng sinh số 1085/2020/BVTN-GCS, quyền số: GCS/20T ngày 11 tháng 7 năm 2020 của Bệnh viện Đa khoa huyện N, anh đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai để anh Q có mặt tại phiên tòa nhưng anh Q vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị L.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa,

nguyên đơn là chị L và bị đơn là anh D trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Q không tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 88, 89, 91, 101, 102 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị L, xác định anh D là cha đẻ của con do chị L sinh ra ngày 11 tháng 7 năm 2020 theo Giấy chứng sinh số 1085/2020/BVTN-GCS, quyển số: GCS/20T ngày 11 tháng 7 năm 2020 của Bệnh viện Đa khoa huyện N. Về án phí: Anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Q Tòa án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Q.

[2] Về yêu cầu xác định cha cho con của nguyên đơn là chị L: Nguyên đơn là chị L yêu cầu Tòa án giải quyết xác định anh D, sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn 3, xã T, huyện N, thành phố Hải Phòng là cha đẻ của con do chị L sinh ra ngày 11 tháng 7 năm 2020 theo Giấy chứng sinh số 1085/2020/BVTN-GCS, quyển số: GCS/20T ngày 11 tháng 7 năm 2020 của Bệnh viện Đa khoa huyện N; bị đơn là anh D yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Q không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị L. Xét chị L kết hôn với anh Q vào năm 2014 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vũ Lạc, thành phố B, tỉnh B và có 01 con chung tên Đào Đăng Trần Hưng, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2014. Ngày 03 tháng 4 năm 2020 Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B mới giải quyết cho chị L và anh Q được ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 69/2020/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 4 năm 2020. Ngày 11 tháng 7 năm 2020 chị L sinh được 01 con theo Giấy chứng sinh số 1085/2020/BVTN-GCS, quyển số: GCS/20T ngày 11 tháng 7 năm 2020 của Bệnh viện Đa khoa huyện N. Như vậy chị L có thai trong thời kỳ hôn nhân (thời gian tồn tại quan hệ vợ chồng) với anh Q, mặc dù anh Q không có ý kiến đối với yêu cầu của chị L nhưng chị L và anh D thống nhất anh D là cha đẻ của con do chị L sinh

ra ngày 11 tháng 7 năm 2020 theo theo Giấy chứng sinh số 1085/2020/BVTN-GCS, quyền số: GCS/20T ngày 11 tháng 7 năm 2020 của Bệnh viện Đa khoa huyện N phù hợp với kết quả xét nghiệm ADN ngày 03 tháng 8 năm 2020 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ y tế và Công nghệ Gen Smart ADN và kết luận giám định số 54/2021/GĐSH ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng kết luận anh D và con do chị L sinh ra ngày 11 tháng 7 năm 2020 theo Giấy chứng sinh số 1085/2020/BVTN-GCS, quyền số: GCS/20T ngày 11 tháng 7 năm 2020 của Bệnh viện Đa khoa huyện N có quan hệ huyết thống trực hệ bố - con. Vì vậy căn cứ Điều 88, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị L, xác định anh D, sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn 3, xã T, huyện N, thành phố Hải Phòng là cha đẻ của con do chị L sinh ra ngày 11 tháng 7 năm 2020 theo Giấy chứng sinh số 1085/2020/BVTN-GCS, quyền số: GCS/20T ngày 11 tháng 7 năm 2020 của Bệnh viện Đa khoa huyện N.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 88, khoản 2 Điều 101 và khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị L, xác định anh D, sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn 3, xã T, huyện N, thành phố Hải Phòng là cha đẻ của con do chị L sinh ra ngày 11 tháng 7 năm 2020 theo Giấy chứng sinh số 1085/2020/BVTN-GCS, quyền số: GCS/20T ngày 11 tháng 7 năm 2020 của Bệnh viện Đa khoa huyện N.

2. Về án phí: Anh D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hiền

